

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2022/DSST

Ngày: 23/02/2022

“V/v: tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Long.

**Các hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Võ Ánh Sửu;
2. Ông Lương Tú Huân;

**Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đặng Thị Hòa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H.

**Đại diện VKSND huyện H tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 17/02/2022 đến ngày 23/02/2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện H tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2021/TLST-DS, ngày 28/4/2021 về việc “**Tranh chấp quyền sử dụng đất**” Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2021/QĐXXST-DS ngày 28/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS, ngày 17/01/2022; giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Nguyễn Văn N, sinh năm 1974, có mặt.

Trú tại: Buôn L, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk;

**Bị đơn:** Trần Văn Đ, sinh năm 1964, có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk;

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Phùng Thị H, sinh năm 1975, có mặt.

Trú tại: Buôn L, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1973, có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk;

3. Ông Trần Văn T, bà Vũ Thị T, đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện R, tỉnh Đắk Nông.

**Người làm chứng:**

1. Phạm Văn Đ, đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk;

2. Dương T, sinh năm 1956, có mặt.

Trú tại: Thôn X, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 21/12/2020 vợ chồng ông Nguyễn Văn N nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trần Văn T, bà Vũ Thị T một mảnh đất rẫy tại thôn E, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk). Diện tích 2.940 m<sup>2</sup>, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông N quản lý và sử dụng đất. Đến cuối năm 2021 thì ông N phát hiện ông Trần Văn Đ là người có đất giáp ranh đã rào lấn đất của ông N khoảng hơn 10 m chiều ngang và chiều dài khoảng 70 m. Việc ông Đ lấn chiếm đất làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông N. Ông N đã yêu cầu UBND xã E hòa giải nhưng không thành, nên ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết buộc ông Đ và vợ là bà A phải dỡ bỏ hàng rào, trả lại đất đã lấn chiếm cho ông N.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A trình bày.*

Năm 1992 vợ chồng ông Đ bà A khai hoang một mảnh đất tại thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Mảnh đất có diện tích khoảng 3.000 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, ông Đ chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí tứ cận của thửa đất ông Đ không xác định được, nhưng có một cạnh giáp đường bê tông, hai cạnh giáp đất vợ chồng ông T, bà Đ, một cạnh giáp đất ông T chuyển nhượng cho ông N.

Năm 1995, ông Đ nhận chuyển nhượng của ông V diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> giáp ranh với mảnh đất ông Đ khai hoang nói trên. Sau đó ông Đ trồng khoảng 400 cây cà phê trên đất. Tháng 02/2021 ông Đ rào toàn bộ diện tích đất mà ông quản lý sử dụng nói trên.

Ông Đ và bà A không đồng ý đơn khởi kiện của ông N vì cho rằng không lấn chiếm đất.

*Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Khoảng năm 1999 đến năm 2000 ông Đ chuyển nhượng cho ông T một mảnh đất tại thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích khoảng 3.000 m<sup>2</sup>, trên đất có khoảng 300 cây cà phê. Đất có tứ cận:

Bắc giáp đường liên thôn; Nam giáp đất ông T; Đông giáp đường liên thôn; Tây giáp đất ông Đ.

Do thời gian đã lâu nên ông Đ không xác định được chiều dài cụ thể của từng cạnh của thửa đất. Nguồn gốc đất mà ông Đ chuyển nhượng cho ông T là của ông Đ. Khi chuyển nhượng cho ông T có sự chứng kiến của ông Đ và ông Đ chỉ ranh giới của mảnh đất chuyển nhượng. Lúc chuyển nhượng đất cho ông T, hai bên chỉ viết giấy tay và không đo thực địa. Hiện nay, do không liên quan đến vụ án nên ông Đ từ chối tham gia tố tụng.

*Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Dương T trình bày:*

Khoảng năm 2007 ông T nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn T mảnh đất mà ông N đang tranh chấp với ông Đ. Lúc nhận chuyển nhượng hai bên chỉ viết giấy tay chứ chưa đăng ký, công chứng, chứng thực. Lúc này đất có diện tích chiều rộng 42 m và chiều dài là 70 m. Như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T để đất chứ không canh tác. Năm 2015, vợ chồng ông Đ lấn chiếm đất đối với diện tích đất như hiện nay ông N trình bày. Rộng khoảng 8 đến 9 m, dài 70 m. Khi ông Đ đang có hành vi lấn chiếm thì ông T yêu cầu dừng việc lấn chiếm nhưng ông Đ không dừng, nên ông T gặp ông T trả lại đất, lấy lại tiền mua đất. Sau đó ông T bán đất cho ông N.

*Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T bà Vũ Thị T trình bày:*

Ngày 21/12/2020 vợ chồng ông Trần Văn T bà Vũ Thị T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N mảnh đất rẫy tại thôn E, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk). Mảnh đất có diện tích 2.940 m<sup>2</sup>, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63. Đất có tứ cận:

Bắc giáp đường liên thôn, dài 42 m; Nam giáp đất ông T, dài 42 m; Đông giáp đường liên thôn, dài 70 m; Tây giáp đất ông Đ, dài 70 m.

Nguồn gốc thửa đất là do ông T nhận chuyển nhượng của ông Đ. Khi chuyển nhượng đất cho ông N thì trên đất có trồng một số cây cà phê khoảng 24 đến 25 năm nhưng không xác định được số lượng cụ thể.

Ông T bà T thống nhất với quan điểm khởi kiện của nguyên đơn và không có ý kiến gì thêm. Ông T bà T từ chối tham gia tố tụng. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

1. Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện H theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về việc thụ lý, lập hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng; tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho đương sự; yêu cầu đương sự viết Bản tự khai; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải, định giá tài sản, thẩm định tại chỗ; Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS.

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS về trình tự, thủ tục xét xử vụ án dân sự sơ thẩm.

## 2. Về nội dung:

Ông Ngọc khởi kiện cho rằng ông Đ bà A lấn chiếm đất rẫy của ông N tại thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Phần diện đất bị lấn chiếm, đã bị rào lại có vị trí, tứ cận như sau:

Tây giáp đường bê tông, rộng 6,58 m; Đông giáp đất ông T, rộng 5,17 m; Nam giáp đất ông Đ, dài 61,68 m; Bắc giáp đất ông N, dài 62,58 m;

Diện tích tranh chấp 363,8 m<sup>2</sup>.

Ông Đ và bà A cho rằng ông bà không lấn chiếm đất của ông N, mà chỉ rào phần diện tích đất của ông do tự khai phá và nhận chuyển nhượng chung với ông V mà có.

Qua trình bày của ông T bà T xác nhận, thửa đất đang có tranh chấp nói trên, vợ chồng ông T bà Vũ Thị T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N ngày 21/12/2020. Diện tích 2.940 m<sup>2</sup>, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63. Đất có tứ cận:

Bắc giáp đường liên thôn, dài 42 m; Nam giáp đất ông T, dài 42 m; Đông giáp đường liên thôn, dài 70 m; Tây giáp đất ông Đ, dài 70 m.

Nguồn gốc thửa đất là do ông T nhận chuyển nhượng của ông Đ. Khi chuyển nhượng đất cho ông N thì trên đất có trồng một số cây cà phê khoảng 24 đến 25 năm nhưng không xác định được số lượng cụ thể. Ông T bà T thống nhất với quan điểm khởi kiện của nguyên đơn.

Qua phần trình bày của ông Phạm Văn Đ thì thấy rằng, khoảng năm 1999 đến năm 2000 ông Đ có chuyển nhượng cho ông T một mảnh đất tại thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có diện tích khoảng 3.000 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất có khoảng 300 cây cà phê. Đất có tứ cận:

Bắc giáp đường liên thôn; Nam giáp đất ông T; Đông giáp đường liên thôn; Tây giáp đất ông Đ.

Khi chuyển nhượng cho ông T có sự chứng kiến của ông Đ và ông Đ chỉ ranh giới của mảnh đất chuyển nhượng. Lúc chuyển nhượng đất cho ông T, hai bên chỉ viết giấy tay và không đo thực địa.

Ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi chuyển nhượng đất cho ông N.

Trong đó, cạnh phía Tây giáp đường liên thôn, dài 42 m; nay đo đạc thực tế chỉ còn 32,42 m. Đông giáp đất ông T, dài 42 m; nay đo đạc thực tế chỉ còn 33,83 m.

Về diện tích: tại giấy chứng nhận quyền sử dụng số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63 thì mảnh đất có diện tích 2.940 m<sup>2</sup>. qua thẩm định thì diện tích hiện nay ông N quản lý còn lại là 2.236 m<sup>2</sup>.

Qua xác minh thì con đường phía Bắc của thửa đất có chiều rộng là 04 m. Như vậy, nếu chiều rộng của con đường có mở rộng ra thì tính cả chiều rộng của con đường thì cạnh phía đông và phía tây thửa đất cũng không đủ 42 m như diện tích đã cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, có căn cứ chứng minh ông Trần Văn Đ đã lấn chiếm đất của ông N với diện tích, tứ cận như sau:

Tây giáp đường bê tông, rộng 6,58 m; Đông giáp đất ông T, rộng 5,17 m; Nam giáp đất ông Đ, dài 61,68 m; Bắc giáp đất ông N, dài 62,58 m; Diện tích 363,8 m<sup>2</sup>.

Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc ông Đ và bà A tháo dỡ phần hàng rào, nhổ bỏ 31 cây cà phê trồng trên diện tích đất lấn chiếm, trả lại cho ông N diện tích đất đã lấn chiếm nêu trên.

Về án phí và các chi phí tố tụng khác: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc vợ chồng ông Đ và bà A phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện H theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

#### **2. Về Nội dung:**

[1]. Ông Ngọc là nguyên đơn khởi kiện cho rằng ông Đ và bà A lấn chiếm đất rẫy của ông Ngọc tại thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Phần diện đất bị lấn chiếm, rào lại có chiều rộng hơn 10 m và chiều dài hết thửa đất dài khoảng 70 m.

[2]. Ông Đ và bà A cho rằng ông không lấn chiếm đất của ông N, mà chỉ rào phần diện tích đất của ông do tự khai phá và nhận chuyển nhượng của ông V mà có.

#### **[3]. Qua thẩm định tại chỗ thì thấy:**

Phần diện tích đất mà ông N cho rằng ông Đ lấn chiếm có vị trí, tứ cận như sau:

Tây giáp đường bê tông, rộng 6,58 m; Đông giáp đất ông T, rộng 5,17 m; Nam giáp đất ông Đ, dài 61,68 m; Bắc giáp đất ông N, dài 62,58 m;

Diện tích 363,8 m<sup>2</sup>.

[4]. Qua trình bày của ông T, bà T xác nhận, thửa đất đang có diện tích đất tranh chấp nói trên ngày 21/12/2020 vợ chồng ông Trần Văn T, bà Vũ Thị T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N. Mảnh đất có diện tích 2.940 m<sup>2</sup>, đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63. Đất có tứ cận:

Bắc giáp đường liên thôn, dài 42 m; Nam giáp đất ông T, dài 42 m; Đông giáp đường liên thôn, dài 70 m; Tây giáp đất ông Đ, dài 70 m. Ông T, bà T thống nhất với quan điểm khởi kiện của nguyên đơn.

[5]. Qua phần trình bày của ông Phạm Văn Đ thì thấy rằng, khoảng năm 1999 đến năm 2000 ông Đ có chuyển nhượng cho ông T một mảnh đất tại thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk có diện tích khoảng 3.000 m<sup>2</sup> và tài sản trên đất có khoảng 300 cây cà phê. Đất có tứ cận:

Bắc giáp đường liên thôn; Nam giáp đất ông T; Đông giáp đường liên thôn; Tây giáp đất ông Đ.

Khi chuyển nhượng cho ông T có sự chứng kiến của ông Đ và ông Đ chỉ ranh giới của mảnh đất chuyển nhượng. Lúc chuyển nhượng đất cho ông T, hai bên chỉ viết giấy tay và không đo thực địa.

[6]. Như vậy, việc ông Đ chuyển nhượng đất cho ông T có sự chứng kiến của ông Đ, ông Đ cũng là người chỉ ranh giới đất chuyển nhượng. Ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi chuyển nhượng đất cho ông N.

Trong đó, cạnh phía Tây giáp đường liên thôn, dài 42 m; nay đo đạc thực tế chỉ còn 32,42 m.

Cạnh phía Đông giáp đất ông T, dài 42 m; nay đo đạc thực tế chỉ còn 33,83 m.

Về diện tích: tại giấy chứng nhận quyền sử dụng số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63 thì mảnh đất có diện tích 2.940 m<sup>2</sup>. qua thẩm định thì diện tích hiện nay ông N quản lý còn lại là 2.236 m<sup>2</sup>.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T và hiện ông T đã chuyển nhượng cho ông N. Hiện nay không có ai khiếu nại hay khởi kiện nên có giá trị pháp lý.

Tại phiên tòa, ông Đ, bà A cho rằng giấy chứng nhận số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63 cấp sai diện tích, nhưng ông bà không cung cấp cho Tòa án các căn cứ pháp lý. Ông bà cũng chưa khởi kiện hay khiếu nại gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng nói trên nên không có căn cứ để xem xét.

[7]. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì con đường phía Bắc của thửa đất có chiều rộng là 04 m. Như vậy, nếu chiều rộng của con đường có mở rộng ra thì tính cả chiều rộng của con đường thì cạnh phía đông và phía tây thửa đất cũng không đủ 42 m như diện tích đã cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[8]. Như vậy, quan điểm của Kiểm sát viên và nguyên đơn là ông N cho rằng việc ông Trần Văn Đ đã lấn chiếm đất của ông N là có căn cứ nên cần chấp nhận, với diện tích, tứ cận như sau:

Tây giáp đường bê tông, rộng 6,58 m; Đông giáp đất ông T, rộng 5,17 m; Nam giáp đất ông Đ, dài 61,68 m; Bắc giáp đất ông N, dài 62,58 m;

Diện tích 363,8 m<sup>2</sup>.

Trên đất lấn chiếm ông Đ đã trồng 31 cây cà phê.

Vì vậy, cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát và nguyên đơn về việc buộc ông Đ và bà A phải tháo dỡ phần hàng rào, nhổ 31 cây cà phê trả lại cho ông N diện tích đất đã lấn chiếm nêu trên.

[9]. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá: Ông Nguyễn Văn N đã ký hợp đồng dịch vụ đo đạc với Công Ty TNHH đo đạc TV Nông lâm nghiệp Đắk Lắk số tiền 7.711.000 đồng, và đã nộp chi phí Thẩm định và định giá là 1.600.000 đồng. Do chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn, nên bị đơn là ông Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà A phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc và chi phí Thẩm định và định giá và có nghĩa vụ trả cho ông N các chi phí nói trên.

[10]. Về án phí: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Luật đất đai.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim A có nghĩa vụ tháo dỡ hàng rào, nhổ 31 cây cà phê để trả lại phần đất cho ông N với vị trí, diện tích, tứ cận như sau:

Vị trí đất: Tại thôn M, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk;

Tứ cận:

Tây giáp đường bê tông, rộng 6,58 m;

Đông giáp đất ông T, rộng 5,17 m;

Nam giáp đất ông Đ, dài 61,68 m;

Bắc giáp đất ông N, dài 62,58 m;

Diện tích 363,8 m<sup>2</sup>.

Đất này nằm trong diện tích đất đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số AI 620206 ngày 06/6/2007, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 63.

Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá: Ông Nguyễn Văn N đã ký hợp đồng dịch vụ đo đạc với Công Ty TNHH đo đạc TV Nông lâm nghiệp Đắk Lắk số tiền 7.711.000 đồng, và đã nộp chi phí Thẩm định và định giá là 1.600.000 đồng. Do chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn nên bị đơn là ông Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà A phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc và chi phí Thẩm định và định giá và có nghĩa vụ trả cho ông Ngọc các chi phí nói trên.

Về án phí: Ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền 6.750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 0000090, ngày 27/4/2021.

Về kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bị đơn ông Trần Văn Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim A, bà Phùng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn T và Vũ Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**NGUYỄN THANH LONG**